

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Tháng 2 năm 2017

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7 - 8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	9 - 42

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Vũ Hoàng	Chủ tịch
Ông Ngô Đình Thành	Phó Chủ tịch
Ông Lê Quốc Bình	Thành viên
Ông Phạm Vũ Thức	Thành viên
Ông Mai Thanh Trúc	Thành viên
Ông Hồ Đắc Hậu	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phạm Vũ Thức	Tổng Giám đốc
Ông Phùng Văn Hiền	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trường Thanh	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

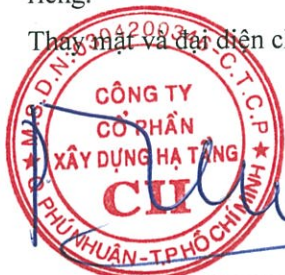
Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Trong việc lập các báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Phạm Vũ Thức
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 2 năm 2017



Số: 498/2017/BCKT-IFCHCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
 Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 15 tháng 2 năm 2017, từ trang 4 đến trang 42, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.



Lương Xuân Trường
Giám đốc chi nhánh
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1741-2013-072-1
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 2 năm 2017

Lương Giang Thạch
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2178-2013-072-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

MÃ SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.093.459.794.646	1.111.019.676.607
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	27.225.375.665	179.010.304.540
1. Tiền	111		25.980.237.725	3.081.850.277
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.245.137.940	175.928.454.263
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		161.001	161.001
1. Chứng khoán kinh doanh	121		161.001	161.001
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		724.358.120.000	472.768.249.328
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	215.165.928.270	165.436.398.847
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	208.363.247.690	124.935.638.208
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	175.070.876.025	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	9.a	128.059.189.637	183.807.805.416
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(2.301.121.622)	(1.411.593.143)
IV. Hàng tồn kho	140		336.946.955.920	436.141.069.850
1. Hàng tồn kho	141	11	336.946.955.920	436.141.069.850
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.929.182.060	23.099.891.888
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12.a	142.083.741	226.201.521
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.787.098.319	22.873.690.367
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		124.305.771.848	90.872.334.750
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		17.865.864.841	1.481.668.700
6. Phải thu dài hạn khác	216	9.b	17.865.864.841	1.481.668.700
II. Tài sản cố định	220		26.757.478.806	20.039.575.641
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	6.846.839.461	7.788.197.615
- Nguyên giá	222		21.066.138.252	21.547.158.602
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(14.219.298.791)	(13.758.960.987)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	14	19.855.671.319	12.156.410.000
- Nguyên giá	225		21.672.603.620	12.156.410.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(1.816.932.301)	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	15	54.968.026	94.968.026
- Nguyên giá	228		160.000.000	160.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(105.031.974)	(65.031.974)
III. Bất động sản đầu tư	230	16	5.284.084.812	5.284.084.812
- Nguyên giá	231		6.879.035.896	6.879.035.896
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(1.594.951.084)	(1.594.951.084)
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	17	57.410.000.000	55.282.550.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	17.a	57.410.000.000	40.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	17.b	-	1.960.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	17.c	-	13.322.550.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		16.988.343.389	8.784.455.597
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12.b	16.988.343.389	8.784.455.597
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.217.765.566.494	1.201.892.011.357

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		752.673.986.514	798.383.130.281
I. Nợ ngắn hạn	310		741.861.661.775	785.011.079.281
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	59.171.424.551	40.847.696.060
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	19	126.531.678.934	281.997.711.105
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	20	3.224.482.537	21.454.887.008
4. Phải trả người lao động	314		1.906.486.113	2.005.171.023
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	21	1.483.386.683	579.352.438
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	22	7.800.000.000	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	23	46.740.221.190	227.794.973.284
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	24.a	495.003.981.767	210.331.288.363
II. Nợ dài hạn	330		10.812.324.739	13.372.051.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	24.b	10.812.324.739	13.372.051.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		465.091.579.980	403.508.881.076
I. Vốn chủ sở hữu	410	25	465.091.579.980	403.508.881.076
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		415.000.000.000	400.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		415.000.000.000	400.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		400.000.000	400.000.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		6.491.138.089	1.846.985.965
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		43.200.441.891	1.261.895.111
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		538.776.665	538.776.665
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		42.661.665.226	723.118.446
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.217.765.566.494	1.201.892.011.357



Nguyễn Thị Khánh Phương
Người lập biểu
Ngày 15 tháng 2 năm 2017



Lưu Hải Ca
Kế toán trưởng



Phạm Vũ Thức
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

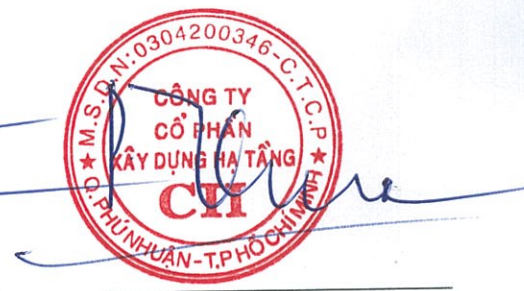
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2016	2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	26	789.755.729.949	1.171.088.875.718
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	328.561.969
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		789.755.729.949	1.170.760.313.749
4. Giá vốn hàng bán	11	27	701.799.343.365	1.032.412.350.432
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		87.956.386.584	138.347.963.317
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	37.347.055.940	14.038.731.670
7. Chi phí tài chính	22	29	36.687.534.511	16.772.945.359
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		35.558.255.148	16.772.945.359
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	21.870.973.772	16.804.038.173
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		66.744.934.241	118.809.711.455
11. Thu nhập khác	31	31	1.262.302.686	2.002.145.900
12. Chi phí khác	32	32	1.379.675.470	1.472.571.824
13. (Lỗ)/Lợi nhuận khác	40		(117.372.784)	529.574.076
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		66.627.561.457	119.339.285.531
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	33	13.170.545.224	26.456.243.048
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		53.457.016.233	92.883.042.483



Nguyễn Thị Khánh Phương
Người lập biểu
Ngày 15 tháng 2 năm 2017



Lưu Hải Ca
Kế toán trưởng



Phạm Vũ Thúc
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND


CHỈ TIÊU	Mã số	2016	2015
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	66.627.561.457	119.339.285.531
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.421.629.152	4.073.786.312
Các khoản dự phòng	03	889.528.479	46.281.016
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(40.672.981.445)	(15.853.343.261)
Chi phí lãi vay	06	35.558.255.148	16.772.945.359
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	67.823.992.791	124.378.954.957
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(43.224.305.021)	(212.073.936.262)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	99.194.113.930	(291.224.661.271)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(128.195.672.881)	576.382.801.046
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(12.147.080.900)	39.286.495.036
Tiền lãi vay đã trả	14	(39.902.382.679)	(7.724.394.001)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(31.771.478.665)	(7.099.677.406)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(88.222.813.425)	221.925.582.099

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016


MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2016	2015
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.576.454.545)	(11.993.650.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	2.531.914.129	14.760.051.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(260.369.004.831)	(216.719.561.303)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	71.000.000.000	184.033.769.463
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(16.000.000.000)	(40.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	17.769.993.149	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	36.708.691.663	5.770.830.221
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(149.934.860.435)	(64.148.560.619)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	15.000.000.000	-
2. Tiền trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	1.878.273.662.633	1.374.017.822.414
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.707.653.486.449)	(1.486.645.280.310)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(6.373.285.660)	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(92.874.145.539)	(32.114.438.209)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	86.372.744.985	(144.741.896.105)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(151.784.928.875)	13.035.125.375
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	179.010.304.540	165.975.179.165
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	27.225.375.665	179.010.304.540


Nguyễn Thị Khánh Phương
Người lập biểu
Ngày 15 tháng 2 năm 2017


Lưu Hải Ca
Kế toán trưởng




Phạm Vũ Thức
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304200346 cấp lần đầu ngày 19 tháng 1 năm 2006 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh và qua các lần thay đổi.

Vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 415 tỷ VND, được chia thành 41,5 triệu cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 128 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 178).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là: Xây dựng, kinh doanh, chuyển giao công nghệ công trình giao thông theo hình thức hợp đồng B.O.T; xây dựng công trình đường sắt, đường bộ; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; công trình công ích; cho thuê máy móc, thiết bị; khai thác cát, đá, sỏi, đất sét; sản xuất bê tông và các thành phẩm từ xi măng, thạch cao; tư vấn kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; sản xuất vật liệu xây dựng, gia công dầm cầu thép, cầu kiện thép, sản phẩm cơ khí khác; sửa chữa máy móc, thiết bị thi công; phá dỡ, chuẩn bị mặt bằng và các ngành nghề khác được quy định trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là thi công xây lắp, mua bán vật tư xây dựng, cho thuê máy móc thiết bị.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Các sự kiện quan trọng đã xảy ra trong năm

Ngày 20 tháng 6 năm 2016, Công ty đã thành lập Công ty TNHH MTV Vật Liệu Xây dựng CII E&C. Hoạt động chính của Công ty con là mua bán vật liệu xây dựng.

Trong năm Công ty đã mua lại 100% phần vốn của Công ty TNHH Xây dựng – Công nghiệp và Thương mại Toàn Phát Thịnh. Ngày 9 tháng 8 năm 2016, Công ty đã thực hiện chuyển đổi công ty này thành Công ty TNHH MTV Xây dựng Dân dụng CII E&C và hoạt động chính là thi công xây dựng các công trình dân dụng.

Trong năm, Công ty đã thoái toàn bộ vốn góp trong công ty liên kết - Công ty Cổ phần Tư vấn và Kiểm định Xây dựng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty đang đầu tư vào các công ty con sau:

Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
1. Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi	Tỉnh Quảng Ngãi	100%	100%	Khai thác, sản xuất kinh doanh các loại đất, đá
2. Công ty TNHH MTV Xây dựng dân dụng CII E&C	Tp. Hồ Chí Minh	100%	100%	Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
3. Công ty TNHH MTV Xây dựng Dân dụng CII E&C	Tp. Hồ Chí Minh	100%	100%	Xây dựng công trình kỹ thuật

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính riêng được lập theo các quy định của Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp của Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014.

Áp dụng hướng dẫn kế toán mới

Ngày 13 tháng 10 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 147/2016/TT-BTC sửa đổi một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Công ty đã áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư này trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty con

Các công ty được xem là công ty con của Công ty khi Công ty nắm quyền kiểm soát tại các công ty này. Quyền kiểm soát được xác lập khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết ở công ty con để có quyền kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC hướng dẫn việc trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo giá gốc trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập theo quy định tại Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC hướng dẫn việc trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải	8 - 12
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay.

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty là giá trị của phần mềm máy tính, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư. Bất động sản đầu tư thì không được trích khấu hao.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước của Công ty bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, ... và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ và các khoản phải trả khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ. Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày lập báo cáo tài chính riêng.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát sinh và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế căn cứ vào Điều lệ của Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ghi nhận giá vốn

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	922.285	11.811.031
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	25.979.315.440	3.070.039.246
Các khoản tương đương tiền	1.245.137.940	175.928.454.263
Cộng	27.225.375.665	179.010.304.540

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn	73.620.073.257	-
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	49.018.200.071	-
Ban Quản lý Dự án đường Hồ Chí Minh	17.579.940.802	21.511.388.527
Công ty TNHH Xây dựng Nền móng Tam Đạt	9.080.796.341	24.076.155.561
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại 592	7.002.023.268	6.338.628.347
Ban Quản lý Dự án Giao thông Nông thôn Vĩnh Long	6.359.003.754	6.359.003.754
Lê Văn Lam	6.178.356.231	-
Công ty Cổ phần Teracons	5.879.774.599	-
Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Sơn Long Thuận	4.438.179.320	4.438.179.320
Khu Quản lý Giao Thông Đô thị Số 3	1.267.043.542	3.304.571.319
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng BMT	2.944.761.390	8.540.560.184
Phải thu các khách hàng khác	31.797.775.695	90.867.911.835
Cộng	215.165.928.270	165.436.398.847

Trong đó, phải thu các bên liên quan

Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn	73.620.073.257	-
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	49.018.200.071	-
Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng CII E&C	1.958.994.963	-
Công ty Cổ Phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	1.280.288.994	1.280.288.994
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi	840.000.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng cầu Sài Gòn	475.696.190	475.696.190
Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận	666.037.105	81.378.567.443
Cộng	127.859.290.580	83.134.552.627

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Trả trước cho các bên liên quan (i)	149.724.993.824	16.784.415.397
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại 592	26.927.270.540	28.476.592.000
Công ty TNHH Xây dựng Nền móng Tam Đạt	24.078.730.487	11.732.492.795
Các đối tượng khác	7.632.252.839	67.942.138.016
Cộng	208.363.247.690	124.935.638.208
<i>Trong đó, trả trước cho các bên liên quan</i>		
Công ty TNHH MTV Xây dựng Dân Dụng CII E&C	74.898.875.000	-
Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng CII E&C	51.308.947.077	-
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi	20.928.270.297	14.562.481.497
Công ty Cổ phần Cơ khí điện Lữ Gia	2.553.351.450	1.919.386.070
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII	35.550.000	35.550.000
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro	-	266.997.830
Cộng	149.724.993.824	16.784.415.397

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Phải thu về cho vay là các bên liên quan		
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh</i>	175.070.876.025	-

Đây là khoản hỗ trợ vốn cho Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh được thực hiện theo hợp đồng hợp tác kinh doanh ký ngày 22 tháng 10 năm 2016 với hạn mức hỗ trợ là 200 tỷ VND. Lãi suất cho vay được áp dụng theo lãi suất cao nhất trong năm của tổ chức tín dụng mà Công ty có giao dịch vay. Lãi suất được hưởng hiện tại là 7,5%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

9. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
a. Phải thu ngắn hạn		
Trả trước tiền mua cổ phần (i)	78.000.000.000	78.000.000.000
Tạm ứng vốn cho các đội thi công các công trình xây dựng	33.148.333.927	58.197.291.246
Các khoản chi hộ	7.387.740.349	
Cổ tức, lợi nhuận phải thu	2.599.994.417	3.318.907.605
Thuế GTGT chờ kê khai của TSCĐ thuê tài chính	1.614.615.226	1.215.640.500
Ký cược, ký quỹ	1.450.560.506	16.803.540.175
Góp vốn hợp tác kinh doanh	1.091.362.698	19.978.897.930
Phải thu người lao động	762.604.798	1.876.592.310
Phải thu về lãi tiền gửi	-	1.130.165.684
Các khoản phải thu khác	2.003.977.716	3.286.769.966
	128.059.189.637	183.807.805.416
b. Phải thu dài hạn		
Ký cược, ký quỹ	17.865.864.841	1.481.668.700
Cộng	145.925.054.478	185.289.474.116
<i>Trong đó, phải thu các bên liên quan</i>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (i)	78.000.000.000	78.000.000.000
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi	2.576.474.417	3.295.387.605
	80.576.474.417	81.295.387.605

(i) Đây là khoản thanh toán trước cho Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII để mua 7.800.000 cổ phần tương đương 99,8% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Cơ khí điện Lữ Gia theo hợp đồng đặt mua cổ phần đã ký kết vào ngày 6 tháng 10 năm 2014.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

10. NỢ XẤU

	31/12/2016			01/01/2016			Đối tượng nợ
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian	
	VND	VND	quá hạn	VND	VND	quá hạn	
Phải thu giá trị thi công công trình	1.234.021.590	-	>3 năm	1.234.021.590	-	>3 năm	Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Công trình Quận 8
Phải thu giá trị thi công công trình	257.385.076	77.215.523	2-3 năm	257.385.076	79.813.523	1-2 năm	Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng Công trình huyện Hóc Môn
Phải thu giá trị thi công công trình	1.267.043.542	380.113.063	2-3 năm	3.304.571.319	3.304.571.319	1-2 năm	Khu Quản lý Giao Thông Đô Thị Số 3
Phải thu giá trị thi công công trình	-	-		5.195.999	5.195.999	1-2 năm	Ban Quản lý các Dự án và Xây dựng Chuyên ngành Giao thông Kiên Giang
Cộng	2.758.450.208	457.328.586		4.801.173.984	3.389.580.841		
Giá trị đã lập dự phòng		2.301.121.622			1.411.593.143		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

11. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	60.278.358.363	-	43.310.589.801	-
Chi phí thi công các công trình xây dựng dở dang	276.668.597.557	-	392.830.480.049	-
<i>Công trình thi công hạ tầng khu đô thị Thủ Thiêm</i>	161.178.043.530	-	195.074.067.407	-
<i>Công trình thi công đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận</i>	54.526.279.948	-	27.021.236.227	-
<i>Công trình thi công mở rộng tuyến tránh Phan Rang- Tháp Chàm tỉnh Ninh Thuận, giai đoạn 2</i>	25.124.704.918	-	124.412.032.982	-
<i>Công trình thi công mở rộng Xa Lộ Hà Nội</i>	17.841.907.146	-	13.215.643.157	-
<i>Công trình thi công nhà máy cấp thoát nước huyện Củ Chi</i>	9.559.367.603	-	32.617.262.724	-
<i>Các công trình khác</i>	8.438.294.412	-	490.237.552	-
Cộng	336.946.955.920	-	436.141.069.850	-

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
a. Ngắn hạn		
Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng	100.862.841	34.742.045
Chi phí thuê tài sản trả trước	41.220.900	41.220.900
Chi phí bảo hiểm trả trước	-	150.238.576
	142.083.741	226.201.521
b. Dài hạn		
Chi phí thuê thiết bị	9.701.700.418	-
Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng	4.279.123.880	4.273.176.961
Chênh lệch giữa giá trị còn lại và giá trị thanh lý của TSCĐ bán và thuê lại theo hợp đồng thuê tài chính	3.007.519.091	4.511.278.636
	16.988.343.389	8.784.455.597
Cộng	17.130.427.130	9.010.657.118

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2016	11.188.996.605	9.614.061.997	744.100.000	21.547.158.602
Mua trong năm	-	1.585.454.545	271.000.000	1.856.454.545
Phân loại từ công cụ dụng cụ	4.027.310.888	-	-	4.027.310.888
Thanh lý, nhượng bán	(3.826.755.520)	(1.590.909.090)	(278.800.000)	(5.696.464.610)
Giảm khác	(668.321.173)	-	-	(668.321.173)
Tại ngày 31/12/2016	10.721.230.800	9.608.607.452	736.300.000	21.066.138.252
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2016	7.907.823.825	5.258.205.445	592.931.717	13.758.960.987
Khấu hao trong năm	2.278.878.465	1.118.052.553	167.765.833	3.564.696.851
Thanh lý, nhượng bán	(1.659.048.400)	(748.094.696)	(28.894.778)	(2.436.037.874)
Giảm khác	(668.321.173)	-	-	(668.321.173)
Tại ngày 31/12/2016	7.859.332.717	5.628.163.302	731.802.772	14.219.298.791
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2016	3.281.172.780	4.355.856.552	151.168.283	7.788.197.615
Tại ngày 31/12/2016	2.861.898.083	3.980.444.150	4.497.228	6.846.839.461

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 6.050.263.786 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 12.910.686.579 VND).

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 24, Công ty đã sử dụng một số máy móc thiết bị và phương tiện vận tải để thế chấp cho các khoản vay ngân hàng. Nguyên giá của các tài sản được thế chấp tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 4.151.515.196 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 4.151.515.196 VND)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc thiết bị VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2016	12.156.410.000
Thuê trong năm	9.516.193.620
Tại ngày 31/12/2016	21.672.603.620
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2016	-
Khấu hao trong năm	1.816.932.301
Tại ngày 31/12/2016	1.816.932.301
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 01/01/2016	12.156.410.000
Tại ngày 31/12/2016	19.855.671.319

15. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm vi tính VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2016	160.000.000
Tại ngày 31/12/2016	160.000.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2016	65.031.974
Khấu hao trong năm	40.000.000
Tại ngày 31/12/2016	105.031.974
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 01/01/2016	94.968.026
Tại ngày 31/12/2016	54.968.026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

16. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ CHO THUÊ

	Quyền sử dụng đất VND	Giá trị nhà trên đất VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2016	5.836.987.368	1.042.048.528	6.879.035.896
Tại ngày 31/12/2016	<u>5.836.987.368</u>	<u>1.042.048.528</u>	<u>6.879.035.896</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2016	839.830.635	755.120.449	1.594.951.084
Tại ngày 31/12/2016	<u>839.830.635</u>	<u>755.120.449</u>	<u>1.594.951.084</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2016	4.997.156.733	286.928.079	5.284.084.812
Tại ngày 31/12/2016	<u>4.997.156.733</u>	<u>286.928.079</u>	<u>5.284.084.812</u>

Bất động sản đầu tư là giá trị đất và nhà văn phòng cho thuê tại địa chỉ số 29/3, đường D2, phường 2, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh. Lô đất có thời hạn sử dụng là 50 năm, sẽ hết hạn sử dụng vào ngày 19 tháng 1 năm 2056 theo Quyết định số 1218/QĐ-UBND ngày 18 tháng 03 năm 2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Giá trị quyền sử dụng đất đã được thế chấp cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long như trình bày ở thuyết minh số 24.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

17. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2016		01/01/2016		Giá trị hợp lý VND	Giá trị hợp lý VND
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND		
a. Đầu tư vào công ty con						
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi	40.000.000.000	-	-	-	-	-
Công ty TNHH MTV Vật liệu xây dựng CII E&C	10.000.000.000	-	-	-	-	-
Công ty TNHH MTV Xây dựng dân dụng CII E&C	7.410.000.000	-	-	-	-	-
b. Đầu tư vào công ty liên kết						
Công ty Cổ phần Tư vấn và Kiểm định Xây dựng	-	-	-	1.960.000.000	-	-
c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
Công ty Cổ phần BOO Nước Đồng Tâm	-	-	-	13.322.550.000	-	-
	57.410.000.000	-	-	55.282.550.000	-	-

Trong năm Công ty đã thực hiện chuyển nhượng các khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Tư vấn và Kiểm định Xây dựng và Công ty BOO Nước Đồng Tâm nhằm tái cơ cấu lại danh mục đầu tư. Việc chuyển nhượng các khoản đầu tư này đã mang lại cho Công ty một khoản lợi nhuận là 2.487.443.149 VND (xem Thuyết minh số 28).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

17. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

Các giao dịch với công ty con phát sinh trong năm như sau:

	2016 VND	2015 VND
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi		
<i>Cổ tức được chia từ công ty con</i>	3.376.474.417	3.295.387.605
<i>Cổ tức được thanh toán trong năm</i>	4.095.387.605	-
<i>Mua hàng hóa, dịch vụ trong năm</i>	22.349.282.909	37.929.075.454
<i>Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ cho công ty con trong năm</i>	20.942.410.001	1.521.444.901
<i>Thanh toán/Ứng trước tiền mua hàng Công ty con hoàn trả tiền ứng trước cho Công ty</i>	46.251.960.000	54.728.019.596
<i>Mua tài sản cố định từ công ty con</i>	14.151.960.000	-
	1.045.454.545	-
Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng CII E&C		
<i>Mua vật tư từ công ty con</i>	17.490.048.114	-
<i>Bán tài sản cho công ty con</i>	4.163.636.365	-
<i>Bán vật tư và cung cấp dịch vụ cho công ty con trong năm</i>	6.420.904.512	-
<i>Nhận thanh toán tiền bán tài sản và cung cấp dịch vụ</i>	9.684.000.000	-
<i>Công nợ phải thu các ban quản lý dự án chuyển giao cho công ty con thu hộ</i>	62.800.000.000	-
<i>Tạm ứng tiền mua vật tư Công ty con hoàn lại tiền tạm ứng mua vật tư cho công ty mẹ</i>	212.825.827.916	-
	205.077.827.916	-
Công ty TNHH MTV Xây dựng Dân dụng CII E&C		
<i>Công nợ phải thu các ban quản lý dự án chuyển giao cho công ty con thu hộ</i>	62.800.000.000	-
<i>Tạm ứng tiền thi công công trình Công ty con hoàn lại tiền tạm ứng thi công</i>	51.399.000.000	-
	42.500.000.000	-
<i>Công ty con nhận nợ phải trả của Công ty TNHH Xây Dựng Nền Móng Tam Đạt từ công ty mẹ</i>	3.199.875.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng thanh toán VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng thanh toán VND
Công ty CP Kỹ thuật Enviro	12.503.702.630	12.503.702.630	-	-
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại An Phú Thành	9.227.568.100	9.227.568.100	2.153.003.030	2.153.003.030
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng BMT	6.620.111.558	6.620.111.558	-	-
Công ty TNHH Xây dựng Fico Corea	6.092.689.472	6.092.689.472	-	-
Công ty Cổ phần ROADCO	3.390.807.713	3.390.807.713	16.781.679.941	16.781.679.941
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Vật tư Quốc Linh	2.704.877.336	2.704.877.336	-	-
Công ty Cổ phần BeTon 6	2.301.444.600	2.301.444.600	-	-
Công ty TNHH XD Sài Gòn Phát Thành Đạt	-	-	5.201.848.850	5.201.848.850
Công ty TNHH Đức My	-	-	4.410.853.267	4.410.853.267
Công ty CP Đầu tư Thương mại Đức Thành	-	-	3.983.601.550	3.983.601.550
Các nhà cung cấp khác	16.330.223.142	16.330.223.142	8.316.709.422	8.316.709.422
Cộng	59.171.424.551	59.171.424.551	40.847.696.060	40.847.696.060
<i>Trong đó, phải trả bên liên quan</i>				
Công ty CP Kỹ thuật Enviro	12.503.702.630	12.503.702.630	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

19. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan	117.284.531.428	224.291.839.256
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh</i>	<i>113.777.119.094</i>	<i>199.988.667.473</i>
<i>Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn</i>	-	45.308.764.541
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội</i>	<i>3.507.412.334</i>	<i>24.303.171.783</i>
Các đối tượng khác	9.247.147.506	57.705.871.849
Cộng	126.531.678.934	281.997.711.105

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2016 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	31/12/2016 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	359.826.000	359.826.000	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	21.182.413.973	13.170.545.224	31.771.478.665	2.581.480.532
Thuế thu nhập cá nhân	272.473.035	876.739.231	506.210.261	643.002.005
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Các khoản phải nộp khác	-	1.430.416.803	1.430.416.803	-
Cộng	21.454.887.008	15.840.527.258	34.070.931.729	3.224.482.537

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Chi phí lãi vay phải trả	1.483.386.683	579.352.438

22. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

Số dư cuối kỳ của khoản doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn thể hiện giá trị cổ tức năm 2015 được nhận từ khoản đầu tư vào công ty con trong tương lai - Công ty Cổ phần Cơ Khí Điện Lữ Gia. Ngày 17 tháng 10 năm 2014, Công ty đã chuyển tiền đặt cọc đặt mua cổ phần công ty này như đã trình bày tại Thuyết minh số 9.a và sẽ nhận chuyển nhượng sau 3 năm kể từ ngày đặt cọc. Khi đến hạn chuyển nhượng, khoản cổ tức này sẽ được giảm trừ vào giá gốc khoản đầu tư vì đây là lợi ích Công ty nhận được trước khi bắt đầu đầu tư vào công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

23. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	-	65.514.147
Bảo hiểm xã hội	1.500.459.174	1.001.077.777
Bảo hiểm y tế	85.581.500	63.678.416
Bảo hiểm thất nghiệp	37.590.148	28.301.515
Phải trả các Công ty thi công Quốc lộ 1 tỉnh Ninh Thuận	23.842.307.577	-
Phải trả các đội giao khoán thi công các công trình xây dựng	19.150.275.544	17.889.964.092
Phải trả lãi vay	69.444.444	5.317.606.220
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	11.962.113	92.162.989.206
Phải trả về vốn hỗ trợ kinh doanh	-	109.493.706.786
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.042.600.690	1.772.135.125
Cộng	46.740.221.190	227.794.973.284

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

24. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	31/12/2016		Phát sinh trong năm		01/01/2016	
	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	
					Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND
a) Ngắn hạn						
Các khoản vay ngắn hạn	488.349.728.184	488.349.728.184	1.136.373.662.633	858.355.222.812	210.331.288.363	210.331.288.363
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 11, TP. Hồ Chí Minh (i)	137.737.409.423	137.737.409.423	349.890.141.303	311.306.014.465	99.153.282.585	99.153.282.585
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long (ii)	290.612.318.761	290.612.318.761	511.143.958.763	316.709.645.780	96.178.005.778	96.178.005.778
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (iii)	60.000.000.000	60.000.000.000	102.518.200.000	57.518.200.000	15.000.000.000	15.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	-	-	153.486.869.418	153.486.869.418	-	-
Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai	-	-	15.417.993.149	15.417.993.149	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Thành	-	-	3.916.500.000	3.916.500.000	-	-
Nợ thuế tài chính dài hạn đến hạn trả	6.654.253.583	6.654.253.583	-	-	-	-
Cộng	495.003.981.767	495.003.981.767	1.136.373.662.633	858.355.222.812	210.331.288.363	210.331.288.363
b) Dài hạn						
Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc Tế Việt Nam	17.466.578.322	17.466.578.322	10.467.812.982	6.373.285.660	13.372.051.000	13.372.051.000
Trừ: Số phải trả trong 12 tháng tới	(6.654.253.583)	(6.654.253.583)	-	-	-	-
Cộng	10.812.324.739	10.812.324.739	10.467.812.982	6.373.285.660	13.372.051.000	13.372.051.000

(i) Số dư nợ vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 11, Thành phố Hồ Chí Minh là khoản vay được thực hiện theo hợp đồng tín dụng ký ngày 28 tháng 4 năm 2016 với hạn mức vay là 150.000.000.000 VND. Kỳ hạn của mỗi khoản vay là không quá 6 tháng. Lãi suất cho vay của các khoản vay còn dư nợ là 7,5%/năm và được điều chỉnh định kỳ mỗi tháng. Mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là quyền đòi nợ và thụ hưởng số tiền đòi nợ của các công trình xây dựng mà Công ty đã sử dụng vốn vay để thi công.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

24. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(ii) Số dư nợ vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long là khoản vay theo hợp đồng tín dụng ký ngày 15 tháng 1 năm 2016 với hạn mức vay ngắn hạn là 300.000.000.000 VND và bảo lãnh tối đa là 300.000.000.000 VND. Kỳ hạn của các khoản vay là từ dưới 6 tháng. Lãi suất vay cho các khoản vay còn nợ tại ngày khóa số lập báo cáo tài chính là trong khoảng 6%-7,5%/năm. Mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động và thực hiện bảo lãnh thi công các công trình xây dựng. Công ty đã sử dụng quyền sử dụng đất và nhà văn phòng cho thuê tại số 29/3, đường D2, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh; hệ thống đúc hẫng; xe ô tô Honda (CRV) mang biên số 51A-835.2; xe ô tô Ford (RANGER) mang biên số 51C-394.48 và xe ô tô Hyundai (SANTAFE) BS: 51A-856.54 để đảm bảo cho khoản vay này.

(iii) Số dư nợ vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh là khoản vay theo hợp đồng tín dụng ký ngày 6 tháng 1 năm 2015 và phụ lục hợp đồng ngày 15 tháng 8 năm 2016 với hạn mức vay là 120.000.000.000 VND, thời hạn của mỗi khoản vay là không quá 12 tháng. Số dư nợ vay sẽ đáo hạn vào ngày 16 tháng 5 năm 2017. Lãi suất vay được quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ nhưng không thấp hơn lãi suất ưu đãi của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh quy định theo từng thời kỳ. Lãi suất đang áp dụng cho số dư nợ vay là 7,5%/năm. Mục đích của khoản vay là để bảo lãnh và phát hành thư tín dụng để bảo đảm việc thực hiện nghĩa vụ của CII E&C với bên thứ 3. Công ty sử dụng tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn tương đương trị giá 15 tỷ VND để đảm bảo cho khoản vay này.

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2015	400.000.000.000	400.000.000	1.846.985.965	538.776.665	402.785.762.630
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	92.883.042.483	92.883.042.483
Chia cổ tức	-	-	-	(92.159.924.037)	(92.159.924.037)
Tại ngày 01/01/2016	400.000.000.000	400.000.000	1.846.985.965	1.261.895.111	403.508.881.076
Tăng vốn trong năm	15.000.000.000	-	-	-	15.000.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	53.457.016.233	53.457.016.233
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	(723.118.446)	(723.118.446)
Thù lao cho Hội đồng quản trị	-	-	-	(350.666.666)	(350.666.666)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(5.800.532.217)	(5.800.532.217)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	4.644.152.124	(4.644.152.124)	-
Tại ngày 31/12/2016	415.000.000.000	400.000.000	6.491.138.089	43.200.441.891	465.091.579.980

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

Chi tiết vốn chủ sở hữu

Tên cổ đông	31/12/2016		01/01/2016	
	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	49,00%	203.351.120.000	99,54%	398.151.120.000
Các cổ đông khác	51,00%	211.648.880.000	0,46%	1.848.880.000
Cộng	100%	415.000.000.000	100%	400.000.000.000

Cổ phần

	31/12/2016 Cổ phần	01/01/2016 Cổ phần
Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	41.500.000	40.000.000
Số lượng cổ phần đã phát hành ra công chúng	41.500.000	40.000.000
+ Cổ phần phổ thông	41.500.000	40.000.000
Số lượng cổ phần đã mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
+ Cổ phần phổ thông	-	-
Số lượng cổ phần đang lưu hành	41.500.000	40.000.000
+ Cổ phần phổ thông	41.500.000	40.000.000
Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần		

24. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2016 VND	2015 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu từ hoạt động xây dựng	725.491.757.059	1.113.236.880.703
Doanh thu bán hàng	47.912.656.864	57.242.786.199
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	16.351.316.026	609.208.816
Cộng	789.755.729.949	1.171.088.875.718
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hàng bán trả lại	-	(328.561.969)
Doanh thu thuần	789.755.729.949	1.170.760.313.749

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

26. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ (tiếp theo)

Trong đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ với các bên liên quan

	2016 VND	2015 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh <i>Khối lượng thi công các đợt thuộc dự án Thủ Thiêm</i>	243.341.448.631	-
Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận <i>Khối lượng thi công công trình mở rộng tuyến tránh Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận - Giai đoạn 2</i>	153.829.416.261	452.503.380.953
Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn <i>Khối lượng thi công các gói thuộc dự án nước Củ Chi</i>	127.830.886.764	292.537.663.814
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Xây Dựng Xa Lộ Hà Nội <i>Khối lượng thi công xây lắp các gói thầu dự án mở rộng Xa Lộ Hà Nội</i>	124.125.347.052	40.099.614.355
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm <i>Khối lượng thi công gói xây lắp 2 thuộc dự án Thủ Thiêm</i>	44.562.000.065	-
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi <i>Doanh thu thi công, xây lắp</i>	14.005.137.273	-
<i>Doanh thu cho thuê thiết bị</i>	6.905.454.546	-
<i>Doanh thu khác</i>	31.818.182	-
Công ty TNHH MTV Vật Liệu Xây Dựng CII E&C <i>Doanh thu bán vật tư</i>	6.420.904.512	-
Cộng	721.052.413.286	785.140.659.122

27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	2016 VND	2015 VND
Giá vốn hoạt động xây dựng	653.361.195.422	985.896.533.498
Giá vốn hàng đã bán	35.199.360.995	46.397.000.671
Giá vốn của dịch vụ	13.238.786.948	118.816.263
Cộng	701.799.343.365	1.032.412.350.432

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

28. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2016 VND	2015 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	26.569.721.374	10.508.144.065
Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.670.474.417	3.530.587.605
Lợi nhuận được chia từ hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán	4.619.417.000	-
Lãi từ chuyển nhượng các khoản đầu tư tài chính	2.487.443.149	-
Cộng	37.347.055.940	14.038.731.670
<i>Trong đó, doanh thu phát sinh với các bên liên quan</i>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	2.824.029.133	368.498.395
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi	7.995.891.417	3.295.387.605
Cộng	10.819.920.550	3.663.886.000

29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2016 VND	2015 VND
Chi phí lãi vay	35.558.255.148	16.772.945.359
Lãi phải trả nợ thuê tài chính	1.129.279.363	-
Lãi phạt chậm thanh toán cho nhà cung cấp	-	-
Cộng	36.687.534.511	16.772.945.359
<i>Trong đó, doanh thu phát sinh với các bên liên quan</i>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	9.531.942.201	6.093.196.801

30. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2016 VND	2015 VND
Chi phí nhân viên quản lý	13.064.317.869	8.026.434.543
Chi phí đồ dùng văn phòng	142.926.234	263.981.168
Chi phí khấu hao	624.227.169	1.251.881.879
Chi phí công tác, tiếp khách	2.304.513.696	51.477.015
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.230.731.798	6.536.753.671
Chi phí bằng tiền khác	617.326.526	673.509.897
Chi phí dự phòng	886.930.480	-
Cộng	21.870.973.772	16.804.038.173

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo) MẪU SỐ B 09-DN
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

31. THU NHẬP KHÁC

	2016 VND	2015 VND
Thu nhập từ thanh lý TSCĐ	1.230.482.356	1.814.611.591
Thu nhập khác	31.820.330	187.534.309
Cộng	1.262.302.686	2.002.145.900

32. CHI PHÍ KHÁC

	2016 VND	2015 VND
Các khoản truy thu và phạt hành chính về thuế	1.593.165.531	915.897.528
Phạt vi phạm giao thông	12.000.000	-
Các khoản phạt chậm nộp bảo hiểm xã hội	53.815.710	224.561.776
Hoàn nhập khoản phạt trong năm trước	(279.305.771)	-
Các khoản chi phí khác không liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh	-	332.112.520
Cộng	1.379.675.470	1.472.571.824

33. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2016 VND	2015 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	66.627.561.457	119.339.285.531
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Chi phí không được trừ	2.192.314.573	929.547.404
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(8.569.197.188)	(3.530.587.605)
Thu nhập chịu thuế	60.250.678.842	116.738.245.330
Thuế suất thuế TNDN	20%	22%
Thuế TNDN phải nộp	12.050.135.768	25.682.413.974
Thuế TNDN năm trước nộp bổ sung	1.120.409.456	773.829.074
Chi phí thuế TNDN hiện hành	13.170.545.224	26.456.243.048

34. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2016 VND	2015 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	296.473.354.142	525.598.600.818
Chi phí nhân công	36.579.369.935	33.165.525.863
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.421.629.152	4.073.786.312
Chi phí dịch vụ mua ngoài	325.530.497.071	609.275.009.891
Chi phí bằng tiền khác	1.698.799.206	862.781.806
Cộng	665.703.649.506	1.172.975.704.690

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 22 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	505.816.306.506	333.197.046.149
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(202.296.251.690)	(179.010.304.540)
Nợ thuần	303.520.054.816	154.186.741.609
Vốn chủ sở hữu	465.091.579.980	403.508.881.076
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	65%	38%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	27.225.375.665	179.010.304.540
Phải thu khách hàng	212.864.806.648	164.024.805.704
Phải thu về cho vay	175.070.876.025	-
Phải thu khác	110.399.500.527	123.999.950.060
Đầu tư tài chính ngắn hạn	161.001	161.001
Đầu tư tài chính dài hạn	57.410.000.000	55.282.550.000
Cộng	582.970.719.866	522.317.771.305
Nợ phải trả tài chính		
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	505.816.306.506	333.197.046.149
Phải trả người bán	59.171.424.551	40.847.696.060
Các khoản phải trả khác	45.116.590.368	117.142.694.643
Chi phí phải trả	1.483.386.683	579.352.438
Cộng	611.587.708.108	491.766.789.290

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng là các đơn vị cùng chung tập đoàn và hoạt động trong nhiều ngành khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cô đồng cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo) MẪU SỐ B 09-DN
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 31/12/2016			
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	27.225.375.665	-	27.225.375.665
Phải thu khách hàng và phải thu khác	305.398.442.334	17.865.864.841	323.264.307.175
Phải thu về cho vay	175.070.876.025		175.070.876.025
Đầu tư tài chính ngắn hạn	161.001	-	161.001
Đầu tư tài chính dài hạn	-	57.410.000.000	57.410.000.000
Cộng	507.694.855.025	75.275.864.841	582.970.719.866
Nợ phải trả tài chính			
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	495.003.981.767	10.812.324.739	505.816.306.506
Phải trả người bán và phải trả khác	104.288.014.919	-	104.288.014.919
Chi phí phải trả	1.483.386.683	-	1.483.386.683
Cộng	600.775.383.369	10.812.324.739	611.587.708.108
Chênh lệch thanh khoản thuần	(93.080.528.344)	64.463.540.102	(28.616.988.242)
Tại ngày 01/01/2016			
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	179.010.304.540	-	179.010.304.540
Phải thu khách hàng và phải thu khác	286.543.087.064	1.481.668.700	288.024.755.764
Đầu tư tài chính ngắn hạn	161.001	-	161.001
Đầu tư tài chính dài hạn	-	55.282.550.000	55.282.550.000
Cộng	465.553.552.605	56.764.218.700	522.317.771.305
Nợ phải trả tài chính			
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	319.824.995.149	13.372.051.000	333.197.046.149
Phải trả người bán và phải trả khác	157.990.390.703	-	157.990.390.703
Chi phí phải trả	579.352.438		579.352.438
Cộng	478.394.738.290	13.372.051.000	491.766.789.290
Chênh lệch thanh khoản thuần	(12.841.185.685)	43.392.167.700	30.550.982.015

Mặc dù chênh lệch thanh khoản thuần của các công cụ tài chính có kỳ hạn dưới 1 năm bị âm nhưng với tiến độ thi công và thanh toán khối lượng hoàn thành từ các chủ đầu tư hiện tại, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

36. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã phát sinh giao dịch với các bên liên quan sau:

Tên	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể (trước ngày 30/12/2016 là công ty mẹ) Công ty con
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi	Công ty con
Công ty TNHH MTV Xây dựng dân dụng CII E&C	Công ty con
Công ty TNHH MTV Xây dựng Dân dụng CII E&C	Công ty con
Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Đầu Tư Hạ Tầng VRG	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty CP Kỹ thuật Enviro	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Cơ khí điện Lữ Gia	Công ty trong cùng tập đoàn

Ngoài các giao dịch làm phát sinh các khoản doanh thu và chi phí đã được trình bày tại các Thuyết minh tương ứng ở trên, trong năm Công ty còn có các giao dịch trọng yếu khác với các bên liên quan như sau:

	<u>2016</u>	<u>2015</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh		
<i>Chia cổ tức cho nhà đầu tư</i>	717.817.241	91.735.902.349
<i>Thanh toán cổ tức trong năm</i>	92.453.719.590	31.852.089.600
<i>Nhận hỗ trợ vốn</i>	741.900.000.000	872.718.116.205
<i>Hoàn trả vốn hỗ trợ</i>	849.121.097.268	867.224.409.419
<i>Thanh toán chi phí sử dụng vốn theo hợp đồng 98/HĐHTĐT-CII</i>	14.849.548.421	245.250.000
<i>Hỗ trợ vốn kinh doanh</i>	260.369.004.831	68.147.910.400
<i>Thu hồi vốn hỗ trợ kinh doanh</i>	68.296.016.485	68.147.910.400
<i>Nhận thanh toán tiền thi công dự án Thủ Thiêm</i>	181.464.045.114	200.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

36. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

	2016 VND	2015 VND
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG <i>Thu tiền tạm ứng thi công DA DT741</i>	3.500.000.000	-
Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận <i>Nhận thanh toán khối lượng thi công công trình</i>	246.648.964.971	576.038.839.889
Công ty Cổ Phần Cơ khí Điện Lữ Gia <i>Chi phí thi công hệ thống an toàn giao thông</i>	16.641.464.545	-
<i>Tạm ứng vốn thi công</i>	18.939.576.380	1.919.386.070
Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn <i>Thu tiền khối lượng thi công dự án Cù Chi</i>	33.263.698.670	367.100.194.736
<i>Chuyển trả tiền khối lượng thi công dự án Cù Chi theo quyết toán giai đoạn 1</i>	11.578.561.026	-
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro <i>Nhập kho ống và phụ kiện</i>	29.041.217.247	117.004.662.343
<i>Thanh toán tiền mua ống và phụ kiện giai đoạn 2</i>	22.941.636.342	117.271.660.173
<i>Thu lại tiền mua ống và phụ kiện</i>	3.766.997.830	-

Thu nhập Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	2016 VND	2015 VND
Lương và thưởng	2.378.590.856	1.716.983.960

37. SỐ LIỆU SO SÁNH

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2016, Công ty thực hiện lập Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho dòng tiền từ hoạt động kinh doanh theo phương pháp gián tiếp. Các chỉ tiêu tương ứng của báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng được chuyển đổi từ phương pháp trực tiếp sang phương pháp gián tiếp để đảm bảo tính so sánh với số liệu báo cáo kỳ này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

38. SỰ KIỆN SAU NIÊN ĐỘ

Theo kế hoạch được đã được Đại hội Cổ đông bất thường thông qua ngày 25 tháng 11 năm 2016, trong năm 2017 Công ty sẽ niêm yết toàn bộ cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, Công ty đang hoàn tất hồ sơ để đệ trình lên Sở Giao dịch chứng khoán.



Nguyễn Thị Khánh Phương
Người lập biểu
Ngày 15 tháng 2 năm 2017



Lưu Hải Ca
Kế toán trưởng



Phạm Vũ Thực
Tổng Giám đốc